TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 05/12/2021

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm TH	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB2608	Lê Thị Kim	Anh	15/5/1990	An Giang	9.0	8.0	Đạt	
2	BKCB2609	Trần Ngọc Hoàng	Anh	07/8/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.5	Đạt	
3	BKCB2610	Trương Thị Vân	Anh	25/5/1997	Đắk Lắk	10.0	8.83	Đạt	
4	BKCB2611	Nguyễn Thị	Bình	22/6/1997	Thái Bình	8.33	8.83	Đạt	
5	BKCB2612	Phạm Quốc	Cường	16/8/1991	Đồng Nai	10.0	9.67	Đạt	
6	BKCB2613	Nguyễn Hải Minh	Châu	03/4/1996	Tiền Giang	8.33	7.17	Đạt	
7	BKCB2614	Nguyễn Thị Minh	Châu	18/01/1997	Bình Phước	9.67	8.17	Đạt	
8	BKCB2615	Lê Quỳnh	Chi	01/7/1997	Thanh Hóa	8.67	7.0	Đạt	
9	BKCB2616	Phạm Thị Kiều	Diễm	30/7/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.5	Đạt	
10	BKCB2617	Huỳnh Thị Khả	Duy	27/5/1997	Bình Định	5.0	9.0	Đạt	
11	BKCB2618	Nguyễn	Duy	08/3/1998	Lạng Sơn	9.33	8.5	Đạt	
12	BKCB2619	Phạm Đức	Duy	02/11/1993	Đồng Nai	7.67	8.33	Đạt	
13	BKCB2620	Chu Minh	Đại	29/4/1999	Nghệ An				Vắng
14	BKCB2621	Lê Nguyên	Đăng	12/10/1995	Ninh Thuận	6.67	8.17	Đạt	
15	BKCB2622	Đặng Văn	Hà	02/11/1994	Nghệ An	7.67	6.17	Đạt	
16	BKCB2623	Lê Thị Thu	Hà	14/9/1996	Đắk Lắk	10.0	9.67	Đạt	
17	BKCB2624	Phạm Thu	Hà	18/12/1992	Thái Bình	7.67	7.0	Đạt	
18	BKCB2625	Nguyễn Thị	Hằng	30/3/1993	Đồng Nai				Vắng
19	BKCB2626	Phạm Thị Thu	Hằng	22/9/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.17	Đạt	
20	BKCB2627	Phan Thị Diệu	Hiền	21/9/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.17	Đạt	
21	BKCB2628	Kiều Tài Trung	Hiếu	12/5/1996	Ninh Thuận	9.0	8.83	Đạt	
22	BKCB2629	Nguyễn Thành	Hiếu	29/4/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	5.33	Đạt	
23	BKCB2630	Trịnh Trí	Hoài	16/10/1998	Bình Định	7.33	7.5	Đạt	
24	BKCB2631	Huỳnh Huy	Hoàng	10/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.83	Đạt	
25	BKCB2632	Nguyễn Quang	Huy	29/10/1997	Gia Lai				Vắng
26	BKCB2633	Nguyễn Quốc	Huy	06/9/1997	Bình Định	8.33	9.67	Đạt	
27	BKCB2634	Nguyễn Văn	Huy	10/2/1999	Kiên Giang	6.67	6.5	Đạt	
28	BKCB2635	Võ Nguyễn Đình	Huy	12/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.83	Đạt	
29	BKCB2636	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	08/10/1984	Lâm Đồng	9.33	7.5	Đạt	
30	BKCB2637	Trần Thị Ngọc	Huyền	19/11/1999	Long An	8.0	6.0	Đạt	
31	BKCB2638	Đặng Thùy	Hương	06/10/1997	Tiền Giang	9.0	9.67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm TH	Kết quả	Ghi chú
32	BKCB2639	Nguyễn Thị Mai	Khanh	02/12/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	5.17	Đạt	
33	BKCB2640	Lê Minh	Khôi	09/10/1994	Đồng Nai	9.67	9.33	Đạt	
34	BKCB2641	Nguyễn Thanh	Liêm	22/09/1997	Long An	6.0	6.5	Đạt	
35	BKCB2642	Trần Diệu	Liên	06/6/1999	Bình Định	9.67	8.67	Đạt	
36	BKCB2643	Võ Hoàng	Long	23/9/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.5	Đạt	
37	BKCB2644	Châu Ngọc	Mai	10/12/1996	Vĩnh Long	8.33	9.67	Đạt	
38	BKCB2645	Nguyễn Thị Hồng	Mai	12/3/1989	Tiền Giang	10.0	8.33	Đạt	
39	BKCB2646	Vũ Thị Sao	Mai	16/4/1988	Hải Dương	10.0	6.17	Đạt	
40	BKCB2647	Nguyễn Thị Quý	Minh	31/1/1997	Quảng Nam	7.33	8.5	Đạt	
41	BKCB2648	Nguyễn Thị Diễm	My	25/5/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	6.17	Đạt	
42	BKCB2649	Bùi Thị Hàn	Ni	24/3/1997	Quảng Ngãi	7.33	8.17	Đạt	
43	BKCB2650	Lê Thị Trúc	Ngân	20/8/1997	Ninh Thuận	6.67	8.83	Đạt	
44	BKCB2651	Nguyễn Thanh	Ngân	16/9/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	7.67	Đạt	
45	BKCB2652	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22/10/1996	Long An	9.67	9.5	Đạt	
46	BKCB2653	Nguyễn Thị Kim	Ngân	28/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.17	Đạt	
47	BKCB2654	Trần Lâm Phương	Ngân	27/01/1996	Đắk Lắk	8.67	9.5	Đạt	
48	BKCB2655	Võ Hoàng	Ngân	16/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	8.33	Đạt	
49	BKCB2656	Trần Quốc	Nghĩa	24/7/1995	Tây Ninh	6.0	5.5	Đạt	
50	BKCB2657	Phan Thanh	Ngoan	31/01/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	6.17	Đạt	
51	BKCB2658	Phạm Nguyễn Như	Ngọc	26/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.33	Đạt	
52	BKCB2659	Phạm Văn	Nhân	02/8/1997	Quảng Nam	6.67	7.83	Đạt	
53	BKCB2660	Đào Thị Hồng	Nhung	15/9/1999	Lâm Đồng	5.0	3.17	Không đạt	
54	BKCB2661	Phạm Thị Hồng	Nhung	13/8/1998	Bến Tre				Vắng
55	BKCB2662	Kiều Tấn	Phúc	16/4/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	7.83	Đạt	
56	BKCB2663	Phạm Vương Hoài	Phúc	05/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.17	Đạt	
57	BKCB2664	Phạm Hữu	Phước	22/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.33	Đạt	
58	BKCB2665	Trần Hoàng	Phương	17/01/1996	Đồng Nai	9.67	10.0	Đạt	
59	BKCB2666	Lê Tạ Phú	Quý	25/2/1986	Nghệ An	6.0	8.83	Đạt	
60	BKCB2667	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/6/2000	Vĩnh Long				Vắng
61	BKCB2668	Trần Thị Hương	Quỳnh	20/7/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.67	Đạt	
62	BKCB2669	Nguyễn Phạm Thị	Sang	04/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.33	Đạt	
63	BKCB2670	Lê Thanh	Sơn	26/5/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.67	Đạt	
64	BKCB2671	Tăng Kim	Tiên	20/5/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	8.83	Đạt	
65	BKCB2672	Nguyễn Thanh	Tú	11/9/1999	Đăk Nông	9.33	7.33	Đạt	
66	BKCB2673	Cao Thành	Thái	07/3/1999	Quảng Ngãi	10.0	9.5	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm TH	Kết quả	Ghi chú
67	BKCB2674	Nguyễn Vũ Thiên	Thanh	24/10/2000	Bình Định	7.0	8.0	Đạt	
68	BKCB2675	Đặng Ngọc	Thành	04/5/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.33	Đạt	
69	BKCB2676	Phạm Tất	Thành	20/7/1991	Đồng Nai	6.33	8.5	Đạt	
70	BKCB2677	Nguyễn Văn	Thạnh	19/5/1996	Bình Định	6.67	8.67	Đạt	
71	BKCB2678	Ngô Thiên	Thảo	08/4/1991	Khánh Hòa	9.67	9.17	Đạt	
72	BKCB2679	Nguyễn Thị	Thảo	28/8/1990	Hòa Bình	7.67	7.67	Đạt	
73	BKCB2680	Vàng Hồng	Thu	01/2/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	6.5	Đạt	
74	BKCB2681	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	03/3/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	5.0	Không đạt	Không Excel
75	BKCB2682	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/11/1998	Quảng Ngãi	7.67	6.83	Đạt	
76	BKCB2683	Nguyễn Thị Minh	Thư	16/9/1994	Bến Tre	6.33	6.5	Đạt	
77	BKCB2684	Trịnh Thị Hoài	Thương	28/11/1997	Đồng Nai	5.0	6.17	Không đạt	Rớt Excel
78	BKCB2685	Hoàng Mai	Thy	31/8/1998	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
79	BKCB2686	Cù Thị Thu	Trang	26/8/1990	Hải Phòng				Vắng
80	BKCB2687	Trần Thị Đài	Trang	06/10/1992	Nghệ An	9.0	7.83	Đạt	
81	BKCB2688	Võ Hoàng Huyền	Trân	26/11/1999	An Giang	5.67	4.0	Không đạt	
82	BKCB2689	Nguyễn Văn	Trí	10/6/1994	Đồng Tháp	6.33	9.17	Đạt	
83	BKCB2690	Bạch Kiều	Uyên	05/6/1999	Bình Thuận	8.33	6.33	Đạt	
84	BKCB2691	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	26/5/1989	Đà Nẵng	9.33	9.5	Đạt	
85	BKCB2692	Phan Thị Tố	Uyên	23/4/1999	Tây Ninh	5.0	7.83	Đạt	
86	BKCB2693	Phạm Tường	Vi	27/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.33	Đạt	
87	BKCB2694	Nguyễn Hoàng Lan	Vy	18/4/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	7.17	Đạt	
88	BKCB2695	Trần Công	Vỹ	13/9/1999	Quảng Nam	6.67	8.33	Đạt	

Ghi chú: *Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm trung bình (TB) >=5*

Số lượng thí sinh: **88** **Số thí sinh đạt:** **77**

Số lượng hiện diện: **81**

Lập bảng **Giám đốc**

Ngô Quang Nhựt **PGS. TS Thoại Nam**